

Ngũ Hành Sơn, ngày 13 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông **Trần N** – Sinh năm: 196x.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- **Bị đơn:** Bà **Đặng Thị T** - Sinh năm: 197x.

Địa chỉ: Tổ 2x K 2, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Trần N** và bà **Đặng Thị T** (Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông **Trần N** và bà **Đặng Thị T** nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 04/09, quyển số: 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 07/01/2009 không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần N** và bà **Đặng Thị T** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông **Trần N** và bà **Đặng Thị T** thống nhất giao con chung **Đặng Thúy H** – Sinh ngày: 09/01/2012 cho bà **T** được trực tiếp nuôi dưỡng, ông **N** có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều

có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Trần N và bà Đặng Thị T thống nhất tự giải quyết tài sản sau ly hôn.

- Về nợ chung: Ông Trần N và bà Đặng Thị T xác định không có.

- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: **150.000 đồng** (Một trăm năm mươi nghìn đồng) ông Trần N và bà Đặng Thị T phải chịu nhưng ông Trần N tự nguyện chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Năm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, TP. Đà Nẵng theo biên lai số 0009733 ngày 11/7/2023.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: **150.000 đồng** (Một trăm năm mươi nghìn đồng) ông Trần N phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, TP. Đà Nẵng theo biên lai số 0009733 ngày 11/7/2023.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị T số tiền tạm ứng án phí: **10.000.000 đồng** (Mười triệu đồng) mà bà Thúy đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0001633 ngày 05/3/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự.
- VKSND quận N.
- Chi cục THADS quận N.
- UBND xã Đ, huyện K, Tỉnh Đắk Nông.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TRÂM